TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/ 2023/ DS - ST
Ngày: 10 - 3 - 2023
"V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà: Không tham gia

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2022/TLST - DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: số 266-268 N, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Hồng S, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Vĩnh Long -Ngân hàng thương mại cổ phần S (Theo văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S)

Người đại diện hợp pháp của ông Cao Hồng S là ông Trần Tiến L – nhân viên hỗ trợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền số …./UQ-CNVL ngày 27/7/2022 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Vĩnh Long) (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Bùi Minh N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 27/7/2022 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông ông Trần Tiến L trình bày:

Ngày 07/7/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là S) có ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 940106: số thẻ 356480-8888 với anh Bùi Minh N để cho vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tương ứng 3,75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức trả lãi hàng tháng, mỗi tháng trả nợ gốc, lãi tối thiểu 05%/tổng số tiền vay cuối kỳ ưu tiên thanh toán lãi trước. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh N có thực hiện giao dịch nhiều lần (rút tiền). Sau đó anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 27/7/2022 anh N còn phải thanh toán cho S 23.337.321 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi một đồng). Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh N có nghĩa vụ thanh toán cho S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 với số tiền là: 32.767.628 đồng (trong đó: tiền gốc 16.752.921 đồng, tiền lãi quá hạn: 16.014.707 đồng); S yêu cầu tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận đến khi anh N trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án. Đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng anh N vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh N không giao nộp tài liệu chứng cứ và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm: anh N vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) khởi kiện yêu cầu anh N trả 32.767.628 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xử vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng (mục đích vay tiêu dùng cá nhân)

được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; anh N trú tại ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của S

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-8888 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 940106 ngày 07/7/2017; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa S với anh N gắn liền địa chỉ ấp ấp A, xã B, huyện Long Hồ, hợp đồng thể hiện thẻ phát hành số tiền 15.000.000 đồng là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh N biết yêu cầu khởi kiện của S và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn vắng mặt, theo đơn xin xác nhận nơi cư trú anh N còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ vào thời điểm ký Hợp đồng, anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, S yêu cầu anh Khoa trả tiền gốc 16.752.921 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc anh N phải trả tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (10/3/2023) theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được chấp nhận là 16.014.707 đồng

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S; buộc anh N có nghĩa vụ trả cho S số tiền: 32.767.628 đồng (Ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng)

[3] Về án phí: S yêu cầu anh N trả số tiền: 32.767.628 đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 1.638.000 đồng ; hoàn trả cho S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Buộc anh Bùi Minh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 với số tiền là: 32.767.628 đồng (trong đó: tiền gốc 16.752.921 đồng, tiền lãi quá hạn: 16.014.707 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/3/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-8888 ngày 07/7/2017.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc anh Bùi Minh N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.638.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn đồng);

2.2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 583.000đ (Năm trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số Nº 0004418 ngày 27/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS huyện Long Hồ;
- VKSND huyện Long Hồ ;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Diện